TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/01/2023
V/v "*Ly hôn giữa bà M với ông C*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Mỹ

2. Ông Trần Văn Hổ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị Ánh M**, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số nhà A, khu phố B, phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: **Ông Lê Minh C**, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số nhà A, khu phố B, phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà M có Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông Cvắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2022, Bản tự khai, Đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 11/11/2022, nguyên đơn bà Trần Thị Ánh M trình bày:

Bà và ông C kết hôn vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/8/1986 do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Bà và ông C sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông C không còn nên bà xin ly hôn với ông C.

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Lê Thị Ngọc H sinh ngày 16/02/1987, Lê Minh H sinh ngày 26/10/1994 và Lê Minh H1 sinh ngày 22/9/2001. Con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Lê Minh C tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Lê Minh C không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông C cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Ánh M khởi kiện bị đơn ông Lê Minh C; quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Ánh M và ông Lê Minh C là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, ông C đang cư trú tại phường K, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Trần Thị Ánh M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Minh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Trần Thị Ánh M và bị đơn ông Lê Minh C.

[2] Về nội dung: Bà M và ông C tự nguyện kết hôn vào năm 1986, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã K, thị xã B (nay là phường K, thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/8/1986 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà M, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Bà và ông C sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông C không còn nên bà xin ly hôn với ông C. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà M và ông C nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà M. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[3] Về con chung: trong quá trình chung sống bà M và ông C có 03 con chung tên Lê Thị Ngọc H sinh ngày 16/02/1987, Lê Minh H sinh ngày 26/10/1994 và Lê Minh H1 sinh ngày 22/9/2001. Con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà M phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ánh M và ông Lê Minh C.

2. Về con chung: con chung của bà M và ông C tên Lê Thị Ngọc H sinh ngày 16/02/1987, Lê Minh H sinh ngày 26/10/1994 và Lê Minh H1 sinh ngày 22/9/2001 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0005599 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương